

A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC – NỘI DUNG GIÁO DỤC

TT	Mục tiêu giáo dục năm	Nội dung giáo dục năm	Chủ đề thực hiện									
			Bé yêu các bạn	Gia đình thân yêu của bé	Đồ chơi bé thích	Bé yêu các cô các bác	Các con vật bé yêu	Cây rau quả và những bông hoa đẹp	Mùa xuân và ngày tết vui vẻ	Phương tiện giao thông bé thích	Mùa hè đến rồi	Bé lên mẫu giáo
I. Lĩnh vực giáo dục phát triển thể chất												
a. Phát triển vận động												
Thực hiện các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp												
1	Trẻ thực hiện các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng/bụng và chân	Thực hiện các động tác hô hấp, tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong giờ thể dục sáng và các động tác tay-vai, lưng bụng lườn, chân-bật trong bài tập phát triển chung giờ hoạt động phát triển thể chất	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu												
2	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh-chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay, bật tại chỗ, bật qua	- Đi theo hiệu lệnh: Đi nhanh, đi chậm	x									
		- Đi đến vạch chuẩn		x								
		- Đi theo hàng nối tiếp nhau	x									
		- Đi trong đường hẹp.				x						
		- Đi có bê vật trên tay			x							
		- Đi trên cầu thăng bằng									x	
		- Chạy theo hướng thẳng						x				

	vạch kẻ, bật xa.	- Đứng co một chân						X						
		- Đi bước qua dây kê cao 5cm								X				
		- Đi trong đường ngoằn ngoèo			X									
		- Đi bước vào các ô				X								
		- Đi kết hợp chạy.								X				
		- Đi kiễng chân								X				
		- Đi theo đường dịch dắc					X							
		- Đi bước qua chướng ngại vật									X			
		- Chạy đổi hướng										X		
		- Bật tại chỗ			X									
		- Nhún bật về phía trước.				X								
		- Bật qua vạch kẻ (bật qua các vòng).											X	
		- Bật qua các vòng							X					
		- Bật xa bằng 2 chân 15 – 20cm												X
3	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt tung bắt bóng với cô.	+ Tung bóng bằng hai tay				X								
		+ Tung - bắt bóng cùng cô khoảng cách 1m – 1,2 m.					X							
		+ Tung bóng qua dây										X		
4	Phối hợp tay, chân , cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Bò thẳng hướng theo đường hẹp					X							
		- Bò thẳng hướng và bò có mang vật trên lưng										X		
		- Bò chui qua cổng	X											
		- Bò, trườn qua vật cản									X			
		- Bò theo đường ngoằn ngoèo								X				
5	Thực hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng một	- Ném xa bằng 1 tay về phía trước									X			
		- Bò chui qua cổng, ném bóng về phía trước											X	
		- Ném bóng vào đích khoảng cách từ 1m - 1,2 m						X						

	tay	- Bò chui qua cổng, ném bóng vào rổ												X	
		- Lăn bóng vào cổng							X						
		- Đá bóng về phía trước			X										
- Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay															
6	Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “Múa khéo”	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rón, nhào, khuấy, đào, vò, xé	X						X						
		- Tập khâu luồn dây													
		- Tập cài cời cúc, buộc dây.									X			X	
		- Nhón nhặt đồ vật.	X	X											
7	Phối hợp được các động tác bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động nhào đất nặn; vẽ...xâu vòng ...	- Tập cầm bút di màu, tô, vẽ.			X				X	X				X	
		- Chắp ghép hình			X										
		- Xếp cạnh, xếp khít											X		
		- Chồng xếp 6- 8 khối													
		- Xâu vòng tay, vòng cổ, vòng trang trí.		X				X							
		- Lật mở trang sách						X						X	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe															
Có một số nền nếp thói quen tốt trong sinh hoạt															
8	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
		- Tập luyện nền nếp thói quen trong ăn uống; ăn chín uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
9	Trẻ quen với chế độ ngủ 1 giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ một giấc trưa		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Thực hiện một số việc tự phục vụ															
10	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: Tập đi vệ sinh, vứt rác		X					X	X					

		đúng nơi quy định.										
11	Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...)	+ Xúc cơm, uống nước	x				x		x	x	x	x
		+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bỏng.					x			x	x	x
		- Nói với người lớn khi có nhu cầu vệ sinh				x			x			
		- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt.				x				x		
12	Trẻ biết chấp nhận Đội mũ khi ra nắng; đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Tập cho trẻ một số thao tác đơn giản: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh.							x	x	x	
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.												
13	Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, ổ điện, lan can, cống nước, ao hồ, sông ngòi...)		x			x			x	x	
14	Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc, nhọn...) Khi được nhắc nhở	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh như (Leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc, nhọn)	x	x	x		x			x	x	
II. Lĩnh vực giáo dục phát triển nhận thức												
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan												

15	Trẻ được sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu								X			
		- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc			X		X						
		- Sờ nắn, nhìn, ngửi....đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật						X	X			X	
		- Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn) - sù sì						X					
		Nghe nhận biết âm thanh của một số phương tiện giao thông									X		
		- Ném vị của một số thức ăn, quả (Ngọt, mặn, chua)						X	X			X	
Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi													
16	Trẻ chơi bắt trước một số hành động quen thuộc của người gần gũi, sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	Nhận biết tên của bản thân, của người thân và làm một số hành động hàng ngày : Ru em, bế em, cho em ăn, làm cô giáo...		X								X	
		- Tên một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc sử dụng được đồ dùng đồ chơi quen thuộc			X						X		
17	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân	X										
		- Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình		X									
		- Tên của cô giáo, các bạn, cô giáo, nhóm/ lớp					X						
18	Trẻ nói được tên và	- Tên ,chức năng chính một số bộ	X										

	chức năng một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	phần cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân												
19	Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa, quả, con vật, các PT giao thông gần gũi, quen thuộc	- Nhận biết tên, đặc điểm, công dụng của đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm lớp.			x									
		- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của hoa, quả quen thuộc.						x	x			x		
		- Nhận biết một số đặc điểm nổi bật của trang phục mùa đông												
		- Nhận biết tên, đặc điểm nổi bật, công dụng của một số phương tiện giao thông gần gũi.										x		
		- Nhận biết một số đặc điểm nổi bật của trang phục mùa hè.												x
	- Tên, đặc điểm nổi bật của các con vật.							x						
20	Trẻ biết chỉ / nói tên lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / xanh / vàng theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh	x	x						x				
		- Hình tròn, hình vuông								x				
		Nhận biết số lượng một và nhiều							x		x			
21	Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ theo yêu cầu.	- Đồ dùng đồ chơi to - nhỏ			x	x			x					
22	Trẻ biết vị trí trong không gian so với bản thân.	- Vị trí không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.										x	x	
III. Lĩnh vực giáo dục phát triển ngôn ngữ														

Nghe hiểu lời nói												
23	Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2- 3 hành động : Ví dụ “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay”.	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói (Cất đồ chơi lên giá hoặc cất ba lô vào tủ...)						X			X	X
24	Trẻ trả lời các câu hỏi “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...Làm gì?”, “Thế nào?” (Ví dụ: “Con gà gáy thế nào”?.....)	- Nghe, trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì đây”, “ Ở đâu”; “ Thế nào”; “ Để làm gì”; “ Tại sao”.	X	X	X	X			X	X	X	
25	Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	- Nghe hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản, trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.				X	X	X	X		X	X
		- Kể lại truyện được nghe nhiều lần có gợi ý của cô.					X			X		
Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu												
26	Trẻ phát âm rõ tiếng	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.										X
		- Thể hiện nhu cầu mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.			X		X			X		X
27	Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng	- Nghe và đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng	X			X		X	X			

	dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe và đọc các bài thơ đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, đơn giản.					X	X		X	X	X
Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp												
28	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5- 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Lắng nghe khi người lớn nói và đọc sách.					X	X		X		
		- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
29	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: - Chào hỏi trò chuyện - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”; “Cái gì đây?”	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau để thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn như: chào hỏi, trò chuyện	X		X					X	X	X
		- Bày tỏ nhu cầu của bản thân	X									
		- Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây? Cái gì đây?”				X						
30	Trẻ nói to, đủ nghe, lễ phép	- Nói đủ câu, to, rõ ràng thể hiện sự lịch sự trong giao tiếp với người lớn.		X	X			X			X	X
IV. Lĩnh Vực giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ												
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân												
31	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.	X									
		- Thực hiện được một số yêu cầu đơn giản của giáo viên.				X						X
32	Trẻ thể hiện điều mình thích và	- Nhận biết một số đồ dùng đồ chơi yêu thích của mình.			X							

	không thích	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.			x							
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi												
33	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói	- Giao tiếp với những người xung quanh	x	x	x	x	x		x			x
34	Trẻ có thể Nhận biết được trạng thái cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái và cảm xúc: Vui, buồn, tức giận, sợ hãi.		x					x	x		
35	Trẻ có khả năng biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ	- Thể hiện một số trạng thái và cảm xúc: Vui, buồn, tức giận qua nét mặt, cử chỉ.	x			x					x	x
36	Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc, gần gũi, bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các con vật nuôi. Bắt chước tiếng kêu và hành động của một số con vật quen thuộc.					x					
Thực hiện hành vi xã hội đơn giản												
37	Trẻ biết chào tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng, chơi cạnh bạn không cầu bạn.	x	x		x					x	
38	Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ(trò cho chơi búp em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại....)	- Thực hiện một số hành vi đơn giản trong giao tiếp: Chào, tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ Dạ”; “ Vâng dạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.			x			x		x		x

39	Trẻ chơi thân thiện cạnh bạn khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.			X			X				X
40	Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: Xếp hàng, chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định.	X		X	X	X					X
41	Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các dụng cụ.	X	X	X		X	X		X	X	
		- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc	X	X		X	X	X	X		X	X
42	Trẻ thích tô màu vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình, xem tranh.	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

**NGƯỜI KIỂM TRA KẾ HOẠCH
T.M NHÀ TRƯỜNG**

Gia Tân, ngày 03 tháng 9 năm 2024
**NGƯỜI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thị Vân

**B. DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN KHỎI NHÀ TRẺ
NĂM HỌC 2024 – 2025**

STT	Tên chủ đề	Ngày lễ hội	Thời gian	Ghi chú
1	Bé yêu các bạn	- Ngày hội đến trường của bé. - Tết trung thu	3 tuần Từ 05/9-27/9	Thực hiện CT từ 05/9/2024
2	Gia đình thân yêu của bé	- 20/10 ngày Phụ nữ Việt Nam	4 tuần Từ 30/9-25/10	
3	Đồ chơi bé thích		3 tuần Từ 28/10- 15/11	
4	Bé yêu các cô các bác	- Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11	3 tuần Từ 18/11- 6/12	
5	Các con vật bé yêu	- Ngày thành lập QĐNDVN	4 tuần Từ 9/12 – 3/1	
6	Mùa xuân và ngày tết vui vẻ	-Tết nguyên đán	4 tuần Từ 6/01 - 7/02	Nghỉ Tết Nguyên Đán
7	Cây rau quả và những bông hoa đẹp	- Ngày Quốc tế phụ nữ 8/3	4 tuần Từ 10/02 - 7/03	
8	Phương tiện giao thông bé thích	- Giỗ tổ Hùng Vương	4 tuần Từ 10/3- 4/4	
9	Mùa hè đến rồi	- Chào mừng 30/4- 1/5	3 tuần Từ 7/4 - 9/5	
10	Bé lên mẫu giáo	- Sinh nhật Bác 19/5 - Tổng kết năm học và ngày tết thiếu nhi 1/6	2 tuần Từ 12/5- 23/5	
Cộng			35 tuần	

***Ghi chú:** Giáo viên tích cực lồng ghép nội dung – các hoạt động ngày hội ngày lễ vào các chủ đề sao cho phù hợp*

TÀI LIỆU ĐÃ BAN HÀNH
Được tải về từ hệ thống edoc.smas.edu.vn lúc 16:48 23/10/2024
bởi Nguyễn Thị Vân () – Mầm Non Gia Tân